

NGHỊ QUYẾT

Phát triển Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp 2016 - 2020 trên địa bàn huyện Đơn Dương

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP 2011 - 2015

1. Kết quả

Trong 5 năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền, sự vào cuộc của các ngành trong hệ thống chính trị và những tiềm năng, thế mạnh của địa phương, lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện đã có bước phát triển và chuyển biến tích cực, (*vật liệu xây dựng, rau quả, nước chấm, sữa, ...*). Hằng năm, tỷ trọng sản xuất ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tăng từ 18-20%. Các ngành công nghiệp chế biến và điện có tốc độ tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn; lưới điện hạ thế đã đến 100% thôn, xã trên địa bàn huyện, đây là động lực quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế của huyện, các cơ sở sản xuất chế biến tiếp tục mở rộng quy mô, mua sắm các trang thiết bị, máy móc, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, chế biến đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động tại địa phương¹.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tuy có bước phát triển nhưng vẫn còn chậm, riêng năm 2015 tốc độ tăng trưởng không đổi. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, chưa phát huy hết tiềm năng và những lợi thế để phát triển. Việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp nói chung và Cụm Công nghiệp Ka Đô còn chậm, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn yếu kém.

- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của các cơ sở chế biến cũng như sự phát triển chung của toàn ngành. Tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp hầu hết là lao động phổ thông, chưa được đào tạo cơ bản; một số cơ sở tuy có áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn nhưng chưa nhiều².

¹ Qua khảo sát đến 30 tháng 11 năm 2016, trên địa bàn hiện có trên 120 cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp (trừ các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), có hơn 95% sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ tại thị trường nội địa. Một số cơ sở đã áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn (HACCP, 5S) như nước chấm Bông Mai, nước chấm Bình Dương, Công Ty Atisô Đà Lạt Lâm Viên; có 15% cơ sở có Website sử dụng để quảng cáo sản phẩm; với 40% cơ sở có định hướng chiến lược kinh doanh. Những kết quả trên đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong giai đoạn 2011 - 2015.

² Có 40% cơ sở định hướng chiến lược kinh doanh nhưng không xây dựng văn bản. 17,6% còn yếu về năng lực tài chính; 22% yếu về công nghệ thiết bị; 01% còn yếu về nguồn nhân lực; 47% còn hạn chế về thị

- Năng lực sản xuất và chế biến của các doanh nghiệp chưa đáp ứng với mức tăng về sản xuất nông sản của người nông dân. Một số Doanh nghiệp chưa chú trọng đến công tác xúc tiến, quảng bá và thụ động trong vấn đề tìm kiếm đầu ra nên khả năng tiếp thị sản phẩm chưa cao, chưa nhạy bén trong việc thay đổi mẫu mã, mặt hàng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Các Công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy trong cụm công nghiệp, có ngành nghề kinh doanh chế biến rau quả nhưng chưa gắn kết với vùng nguyên liệu ở địa phương. Những cơ sở sản xuất hàng thủ công truyền thống chỉ bước đầu có hướng khôi phục, chưa được đầu tư sản xuất và giải quyết thị trường tiêu thụ.

3. Nguyên nhân

Giá trị bất động sản, đất nông nghiệp ở địa phương và cụm công nghiệp Ka Đô cao nên nhiều nhà đầu tư chưa quan tâm, trong khi nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng còn hạn hẹp; việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp còn thấp, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.

Công nghệ thiết bị sản xuất vẫn còn lạc hậu, nguồn vốn chưa đủ mạnh, trong khi đó yếu tố cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường cần phải có sự đổi mới về công nghệ để tạo ra các sản phẩm có chất lượng để đáp ứng yêu cầu. Vị trí địa lý của địa phương so với các trung tâm kinh tế thiếu thuận lợi, tiếp tục có những khó khăn trong việc liên kết vùng giữa sản xuất và tiêu thụ.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.

1. Mục tiêu chung

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2016-2020 theo hướng đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư và thành phần kinh tế, tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị công nghệ mới vào sản xuất. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế gắn với vùng nguyên liệu như công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp khai khoáng, đặc biệt là các dự án chế biến rau, sữa, thịt để ổn định và phát triển nguồn nguyên liệu, tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển, đưa công nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn có tính đột phá góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tham gia tích cực phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các nhu cầu phát triển về trình độ kỹ thuật, công nghệ; đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện nâng cao đời sống của nhân dân.

- Tiếp tục quảng bá các chính sách ưu đãi để huy động tối đa mọi nguồn lực, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư và thành phần kinh tế để thu hút đầu tư; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh, liên vùng tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống, nghề nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đạt 10-12% (theo chuẩn GO). Đến năm 2020, tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 20% trở lên trong GDP của huyện; tăng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp lên gấp 02 lần so với năm 2015 (theo giá so sánh 2010 là: 362 tỷ đồng).

- Thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Ka Đô lấp đầy khoảng 80% diện tích; định hướng quy hoạch 02 điểm công nghiệp tại các xã Tu Tra, Ka Đơn để phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển; đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Khôi phục, mở rộng các mặt hàng truyền thống, làm cơ sở phát triển hàng thủ công mỹ nghệ gắn với phát triển du lịch địa phương về lâu dài như: Bánh tráng, gỏi, nhẵn bạc, đan lát, thêu, dệt. Chỉ đạo các xã, thị trấn phát triển các nghề nông thôn mang tính đặc trưng và tập trung như: nghề chế biến nông sản thực phẩm (bánh mứt từ rau, củ quả, nước ép trái cây...); nghề sấy, bảo quản rau, củ quả, trái cây; chế biến các sản phẩm thực phẩm từ sữa bò tươi (phomat, bơ, kẹo bánh...); xử lý nước, xử lý đất sản xuất nông nghiệp.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về Công nghiệp

1.1. Phát triển Cụm, điểm công nghiệp

- Nâng cấp quy mô hoạt động các nhà máy hiện có tại cụm công nghiệp Ka Đô gắn với liên kết tiêu thụ nông sản tại địa phương.

- Thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Ka Đô với các nhà máy chế biến sản phẩm cà chua, sữa, các cơ sở sơ chế nông sản.

- Quy hoạch và hình thành thêm từ 1 đến 2 điểm công nghiệp vật liệu xây dựng tại xã Tu Tra, xã Ka Đơn.

1.2. Đối với các ngành công nghiệp chủ yếu

- *Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.*

Chế biến lâm sản: Không mở rộng thêm doanh nghiệp sản xuất, duy trì các cơ sở hiện có gắn với đổi mới công nghệ chế biến hiện đại, đa dạng hóa các sản phẩm gỗ (sản xuất các vật dụng gỗ thành phẩm); thu hút, kêu gọi đầu tư nhà máy khai thác, chế biến cây dược liệu gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng và phát triển rừng.

Ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất với quy mô vừa và nhỏ, hộ gia đình trong chế biến và bảo quản lâu dài bằng các phương pháp công nghệ sinh học vào trong khâu bảo quản các mặt hàng nông sản, thực phẩm.

Thu hút thêm một số dự án chế biến các sản phẩm từ thịt bò, sữa (sữa tiệt trùng, phomai) theo số lượng phát triển đàn bò trên địa bàn, đảm bảo đến năm 2020 các sản phẩm thịt, sữa đều được qua sơ chế.

- Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

Phát huy hết công suất các lò gạch Tuynen hiện có; phát triển mới một số nhà máy sản xuất gạch không nung; các sản phẩm cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Quy hoạch vùng khai thác và tạo điều kiện khai thác các loại vật liệu xây dựng phục vụ các công trình xây dựng, dân dụng theo hướng nâng cao chất lượng khai thác và đảm bảo môi trường, cảnh quan.

- Các ngành công nghiệp phụ trợ.

Thu hút đầu tư vào sản xuất nhãn mác, bao bì, đóng gói sản phẩm; nhà máy chế biến thức ăn gia súc; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với cơ sở sơ chế, bảo quản.

Lĩnh vực điện năng: Phát triển hệ thống điện hạ thế đảm bảo cung cấp ổn định điện lưới cho nhân dân sử dụng, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình điện trung, hạ thế về thôn, xã vùng sâu, vùng xa. Đảm bảo cung ứng điện đầy đủ, ổn định cho các cụm, điểm công nghiệp; khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung của người dân; nâng công suất trạm và đưa điện đến tận các khu vực sản xuất, tưới tiêu nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng, giảm tổn thất và an toàn sử dụng điện. Từng bước phát triển các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo như: sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, khí sinh học.

Nước sạch sinh hoạt: Xây dựng và nâng cấp các trạm cung cấp nước sạch sinh hoạt cho nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ, D'ran, Lạc Lâm và xã Ka Đô, phấn đấu đến năm 2020 trên 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Công nghiệp cơ khí, hóa chất: Phát triển ngành sản xuất cơ khí, sản xuất máy móc, dụng cụ đạt chất lượng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (máy băm cỏ, máy đánh bóng, máy gieo hạt, máy vô bầu đất, máy đóng chậu, máy rửa và sơ chế rau củ quả...), sửa chữa máy móc thiết bị, máy nông nghiệp, chế tạo công cụ thay thế, sản xuất nông cụ, sản xuất lắp đặt công nghệ nhà kính, nhà lưới, công nghệ sấy nhiệt sạch bảo quản nông sản. Thu hút được nhà máy xử lý rác thải kết hợp sản xuất phân vi sinh, phân hữu cơ từ các nguyên liệu sẵn có.

2. Phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nông thôn

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc thi sáng tạo sản phẩm tiêu biểu tiểu thủ công nghiệp nhằm phục vụ du lịch và sản phẩm thương mại theo định kỳ gắn với các chương trình, lễ hội do Tỉnh tổ chức.

- Nghiên cứu hình thành và phát triển một số ngành nghề mới phù hợp với điều kiện của địa phương như: đan, dệt lưới (dựng nhà lưới) phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, sơ chế biến rau an toàn, sấy khô nông sản, làm bánh mứt, rượu trái cây, rượu vang, rượu thuốc, chiết xuất tinh dầu (bạch chỉ, hương thảo, sả...) gắn với phục vụ du lịch, thu hút lao động nông thôn, nông nhân.

- Phát triển hộ gia đình sử dụng sữa bò để chế biến các sản phẩm sữa như Yaourt, fomai, các sản phẩm bánh kẹo có sử dụng sữa.

- Tiếp tục phát triển các cơ sở cơ khí như gia công các thiết bị sắt thép, nhôm, phay, tiện hoặc các dòng sản phẩm phục vụ xây dựng, sửa chữa máy móc.

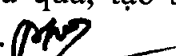
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức cơ sở Đảng tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị Quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, cụ thể hóa thành các kế hoạch cụ thể để chỉ đạo triển khai thực hiện.

2. HĐND huyện hàng năm xem xét quyết định bổ sung ngân sách để thực hiện đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ theo tinh thần Nghị quyết đã đề ra trong giai đoạn bảo đảm đạt kết quả.

3. UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, ban ngành theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch và thẩm định, phê duyệt chương trình, kế hoạch của từng ngành, cân đối nguồn vốn và lộ trình để triển khai thực hiện trong cả giai đoạn. Định kỳ giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chuẩn bị nội dung tổ chức sơ tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

4. Các cơ quan, đơn vị, các tổ chức Chính trị - xã hội trên địa bàn huyện theo chức năng nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm cho mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên đều nhận thức sâu sắc phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng là động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

5. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết. 

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND và UBMTTQVN huyện;
- Các CQ TM, GV Huyện ủy, TTBDCT huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các Tổ chức cơ sở Đảng;
- Các đồng chí Huyện ủy viên;
- Đài TT - TH huyện;
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Lưu Tấn Huệ